TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 14/9/2020
V/v tranh chấp "Yêu cầu không công nhận vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO-TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Sang.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1- Bà Lê Thị Thu Yến.
2- Ông Nguyễn Văn Tám.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trạng là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang *tham gia phiên tòa:* Ông Lê Văn Tân, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 435/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp "Yêu cầu không công nhận vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 110 ngày 28/8/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị T**, sinh năm 1983 (có mặt).
Địa chỉ: ấp Tuyết Hồng, xã Tân Phước, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh **Ngô Hồng A**, sinh năm 1980 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp Nam, xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.
Tạm trú: 171a ấp Bình Tạo, xã T A, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 23/02/2020, bản tự khai bổ sung ngày 14/8/2020 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày: Chị và anh A chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2001, có tổ chức đám cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc, nhưng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn phù hợp, anh A thường xuyên nhậu say, bạo hành và ngược đãi chị, đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu không công nhận vợ chồng giữa chị với anh A.

- Về con chung: có 02 con chung tên Ngô Thị Hồng Phấn, sinh ngày 09/8/2002 (đã trưởng thành) không yêu cầu Tòa án giải quyết, Ngô Chấn Sang, sinh ngày 16/3/2008. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Sang, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Ngô Hồng A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh A vẫn không cung cấp cho Tòa án ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Anh A vắng mặt không lý do trong tất cả các lần Tòa án triệu tập.

Tại phiên tòa chị T yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa chị với anh Ngô Hồng A, về con chung tên Ngô Thị Hồng Phấn, sinh ngày 09/8/2002 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Chấn Sang, sinh ngày 16/3/2008, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh A là phù hợp quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Anh A không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với việc yêu cầu không công nhận vợ chồng, nuôi con của chị T và cũng không tham dự phiên tòa, do anh, chị không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên đề nghị không công nhận vợ chồng giữa chị T với anh A; về con chung của anh chị cháu Ngô Thị Hồng Phấn, sinh ngày 09/8/2002 (đã trưởng thành) không yêu cầu giải quyết, đề nghị không xem xét, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Ngô Chấn Sang, sinh ngày 16/3/2008, cháu Sang hiện nay đang sống với chị T, để ổn định cuộc sống của cháu Sang và theo nguyện vọng của cháu Sang. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị T, anh A không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Anh Ngô Hồng A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Ngô Hồng A.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Ngô Hồng A không có đăng ký kết hôn, nên cần xác định quan hệ tranh chấp là không công nhận vợ chồng.

[3] Xét yêu cầu của chị Lê Thị T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị T và anh A chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2001, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc, nhưng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, thường xuyên cải vã với nhau. Chị T yêu cầu không công nhận vợ chồng, Anh A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh A không có văn bản thể hiện ý kiến của anh đối với yêu cầu của

chị T. Xét, việc anh A, chị T sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình nên yêu cầu của chị T là có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử không công nhận vợ chồng giữa anh A và chị T.

Về con chung: có 02 con chung tên Ngô Thị Hồng Phấn, sinh ngày 09/8/2002 (đã trưởng thành) không yêu cầu Tòa án giải quyết, Ngô Chấn Sang, sinh ngày 16/3/2008. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Sang, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Xét, cháu Ngô Thị Hồng Phấn, sinh ngày 09/8/2002 (đã trưởng thành) không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, chị T yêu cầu nuôi cháu Ngô Chấn Sang, Tại tòa chị T trình bày từ khi ly thân cho đến nay cháu Sang do chị chăm sóc nuôi dưỡng, nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Sang. Nhận thấy, cháu Sang hiện đang sống với chị T, để ổn định cuộc sống sinh hoạt, học tập của cháu Sang và theo nguyện vọng của cháu Sang là được sống chung với chị T. Anh A thì không có ý kiến của mình về việc nuôi con để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Sang cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Sang và phù hợp quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Anh Ngô Hồng A có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị T không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Xét, đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung: Tại phiên tòa chị T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Tại phiên tòa chị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 14, Điều 15, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị T và anh Ngô Hồng A.

2. Về con chung: có 02 con chung tên Ngô Thị Hồng Phấn, sinh ngày 09/8/2002 (đã trưởng thành). Giao con chung tên Ngô Chấn Sang, sinh ngày 16/3/2008 cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Ngô Hồng A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Ngô Hồng A có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chị T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 01973 ngày 02/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, nên chị T đã nộp xong.

Chị Lê Thị T có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Ngô Hồng A vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự:
  + Chị Lê Thị T;
  + Anh Ngô Hồng A;
- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKS nhân dân TP.Mỹ Tho;
- Chi cục Thi hành án DS TP.Mỹ Tho;
- Lưu hồ sơ, án văn..

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Thị Sang